



ANH ĐỨC TRUNG

# Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam để trở thành trung tâm chế biến, chế tạo của thế giới

**PHẠM HỮU HÙNG**

**T**rong lịch sử phát triển kinh tế thế giới, nhiều quốc gia đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn hàng đầu của khu vực và thế giới nhờ phát triển thành công những trung tâm chế biến, chế tạo (TTCBCT) của thế giới. Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Trong cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò quan trọng, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên về cơ bản Việt Nam vẫn chưa hình thành được các ngành công nghiệp có tính nền tảng cho nền kinh tế; công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn còn phân tán, manh mún, công nghiệp hỗ trợ còn yếu. Vì vậy một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới được xác định là cần phải đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh đó, thời gian gần đây, trước sự thay đổi về vị trí, chiến lược của các quốc gia trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, nhiều chuyên gia quốc tế và

trong nước đều cho rằng, Việt Nam có khả năng là điểm đến của các tập đoàn, tổng công ty đa quốc gia trong làn sóng dịch chuyển của các TTCBCT và có khả năng trở thành một TTCBCT mới của thế giới trong vòng 20 năm tới. Vì vậy, cần nhận diện đúng xu thế, đánh giá đúng khả năng và nguồn lực, các giải pháp toàn diện và đồng bộ để phát triển Việt Nam trở thành một TTCBCT mới của thế giới.

## **Đặc điểm về TTCBCT của thế giới**

Qua kinh nghiệm và thực tiễn cho thấy, một quốc gia có năng lực vượt trội hơn các nước khác trong thu hút nguồn nhân lực trong nước và quốc tế để phát triển công nghiệp phục vụ thị trường nội địa và thế giới – quốc gia đó trở thành TTCBCT của thế giới.

TTCBCT của thế giới có những đặc điểm sau:

Có chủ trương mang tính cách mạng thu hút các nguồn lực cho phát triển công nghiệp. Có chiến lược phát triển các ngành công nghiệp là trụ cột cho phát triển kinh tế.

Môi trường kinh doanh gồm hệ thống pháp luật, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, ưu đãi phát triển... phải thuận lợi.

Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh làm trụ đỡ cho phát triển công nghiệp.

Chiến lược hướng ra thị trường thế giới được coi trọng. Có nhiều sản phẩm quốc gia mang tính cạnh tranh quốc tế đáp ứng yêu cầu của thị trường khu vực và thế giới, có ảnh hưởng đến thị trường này.

Nền kinh tế của quốc gia có ảnh hưởng mạnh đến kinh tế toàn cầu không chỉ hàng hóa mà còn lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

Ngân hàng ANZ đưa ra 9 điều kiện tiên quyết để giúp một quốc gia trở thành TTCBCT của thế giới là: 1/ Dân số trẻ; 2/ Hệ thống giáo dục và đào tạo nghề bài bản; 3/ Hệ thống và cơ chế mở để thu hút FDI; 4/ Tính minh bạch cao và định hướng rõ ràng cho các cải cách trung hạn bao gồm cả cải cách doanh nghiệp Nhà nước; 5/ Thị phần tài chính đủ mạnh để tài trợ trong nước việc mở rộng các hoạt động cổ phần hóa; 6/ Có khoảng cách gần với các nền kinh tế có thu nhập thấp tạo điều kiện dễ dàng cho việc mở rộng chuỗi cung ứng; 7/ Hạ tầng cơ sở, vận tải và thông tin, cần được thiết kế đồng bộ và tân tiến bao gồm cả hạ tầng cơ sở điện tử; 8/ Ổn định về

năng lượng; 9/ Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.

**Vai trò của ngành Ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế và thúc đẩy Việt Nam trở thành TTCBCT của thế giới**

Hệ thống tài chính, ngân hàng là một trụ cột không thể thiếu để một quốc gia phát triển thành TTCBCT của thế giới. Tùy cấu trúc tài chính mỗi nước mà thị trường chứng khoán hay khu vực ngân hàng giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng tài chính cho quá trình phát triển. Tại Anh, Mỹ và Hàn Quốc, thị trường chứng khoán đóng vai trò chủ đạo, song tại Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, thì lại dựa vào hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, đối với hệ thống dịch vụ thanh toán, ngoại hối, ổn định lạm phát, tỷ giá thì luôn phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng. Đối với Việt Nam, ngành Ngân hàng giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đất nước.

*Thứ nhất*, ngành Ngân hàng đã bảo đảm ổn định tiền tệ, góp phần ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô, niềm tin của nhà đầu tư được củng cố và nâng cao. Lạm phát được đẩy lùi và kiểm soát ở mức hợp lý. Lạm phát đã giảm nhanh và duy trì xu hướng ổn định, từ 18,13% năm 2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,09% năm 2014 và ước khoảng 2,5% trong năm 2015. Tỷ

giá cũng được duy trì ổn định, rủi ro tỷ giá ở mức thấp, ổn định. Các đợt điều chỉnh tỷ giá đều nằm trong phạm vi cam kết điều hành tỷ giá hàng năm của NHNN.

*Thứ hai*, hệ thống thanh toán đủ khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh, an toàn của nền kinh tế. Hệ thống thanh toán vận hành luôn đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn, thuận tiện, bảo mật. Với năng lực xử lý 2 triệu giao dịch/ngày, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS) có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu giao dịch thanh toán điện tử liên ngân hàng giá trị cao trong nhiều năm tới. Bên cạnh đó, hệ thống thanh toán bù trừ tự động các giao dịch bán lẻ giá trị thấp (ACH), hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán chứng khoán và thanh toán nội bộ các NHTM đã tạo thành mạng lưới hệ thống thanh toán đảm bảo mọi yêu cầu về giao dịch thanh toán kịp thời, an toàn của nền kinh tế.

*Thứ ba*, ngân hàng đảm nhận vai trò kênh dẫn vốn chủ đạo đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế. Từ khi nền kinh tế chuyển sang nền kinh tế thị trường, ngành Ngân hàng luôn đóng vai trò trụ cột trong hệ thống tài chính Việt Nam. Kể cả trong bối cảnh tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nhưng dư nợ ngành Ngân hàng từ năm 2011 –

2014 vẫn tăng ở mức 14%/năm. Như vậy, ngành Ngân hàng đã gắn nhiệm vụ tái cơ cấu với nhiệm vụ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tính đến cuối năm 2014, dư nợ tín dụng tương đương 100,8% GDP. Tuy độ độ sâu hệ thống tài chính Việt Nam tăng lên qua các năm, nhưng trong cơ cấu vốn cung ứng cho nền kinh tế thì tín dụng ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao. Đến cuối năm 2014, vốn tín dụng ngân hàng chiếm đến 76% vốn của hệ thống tài chính cung ứng cho nền kinh tế, giá trị vốn hóa từ thị trường chứng khoán và bảo hiểm chiếm khoảng 24%.

*Thứ tư*, vốn tín dụng ngân hàng chú trọng đầu tư cho các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển của Nhà nước. Những năm qua, vốn tín dụng ngân hàng chú trọng phân bổ cho 5 lĩnh vực ưu tiên là nông nghiệp, nông thôn; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; doanh nghiệp xuất khẩu; công nghiệp phụ trợ. Đến cuối năm 2014, dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là hơn 744,6 nghìn tỷ đồng, dư nợ cho vay DNNVV đạt khoảng 923,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,75% và 23,25% tổng dư nợ tín dụng. Tăng trưởng dư nợ doanh nghiệp công nghệ cao năm 2014 đạt 25,26%...

Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh 2015 của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam được xếp hạng 36/189 nền kinh tế được khảo sát về khả năng dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp – đó là nỗ lực của ngành Ngân hàng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

*Thứ năm*, hệ thống mạng lưới cung ứng dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu gia tăng nhanh của nền kinh tế. Đến cuối năm 2014, Việt Nam có khoảng hơn 16 nghìn máy ATM và 172 nghìn POS. Hệ thống mạng lưới các ngân hàng cũng được mở rộng với hơn 9500 chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của người dân và doanh nghiệp.

*Thứ sáu*, cùng với việc bảo đảm ổn định giá trị đồng tiền, tổ chức tốt hệ



Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam còn khá thấp, điều này cho thấy sự liên kết chuỗi giá trị toàn cầu với các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế

thống thanh toán, cung ứng các dịch vụ tiền tệ, tín dụng cho các nhà đầu tư, ngành Ngân hàng cũng chú trọng hoạt động hợp tác quốc tế để thu hút nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế. Giai đoạn 2011 – 2014, NHNN đã chủ trì, đàm phán với WB và ADB 84 chương trình/dự án có tổng số vốn khoảng 12 tỷ USD. Hoạt động tìm kiếm đối tác hợp tác, nhà tài trợ tiềm năng, gia nhập các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế nhằm thu hút đầu tư nước ngoài cũng đang được ngành Ngân hàng tích cực triển khai và thu được kết quả khả quan.

Như vậy, có thể thấy, trong những năm qua, ngành Ngân hàng đã và đang đóng góp quan trọng vào sự phát triển của kinh tế đất nước, xây dựng các điều kiện nền tảng quan trọng hỗ trợ tích cực cho việc phát triển trở thành TTCBCT mới của thế giới tại Việt Nam như kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, tổ chức hệ thống thanh toán, chính sách tín dụng ưu tiên, cung ứng các dịch vụ tiền tệ, tín dụng đều được ngành Ngân hàng chú trọng triển khai có hiệu quả trong những năm qua.

**Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trở thành TTCBCT của thế giới**

**Cơ hội**

Việt Nam đã và đang hội nhập nhanh với nền kinh tế khu vực và thế giới thông qua ký kết các Hiệp định thương mại song phương và đa phương, quan trọng nhất là Hiệp định đưa ASEAN trở thành cộng đồng kinh tế vào ngày 31/12/2015, Hiệp định FTA Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á – Âu, TPP, FTA Việt Nam – EU... Đây là các hiệp định cho phép hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào các nước đối tác tham gia ký kết hiệp định được hưởng mức thuế xuất khẩu, nhập khẩu bằng 0% và nhiều biện pháp phi thuế quan khác được dỡ bỏ. Tuy nhiên, muốn được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu thấp, hàng hóa phải đảm bảo nguyên tắc xuất xứ. Chính nguyên tắc này kích thích các nhà đầu tư gia tăng đầu tư vào Việt Nam.

Bên cạnh đó, tình hình chính trị - xã hội của Việt Nam ổn định. Đồng thời, Việt Nam còn xếp thứ 4 trong 15 quốc gia có nguồn lao động dễ tuyển dụng và

chi phí lao động tại Việt Nam chỉ bằng 1/2 so với Thượng Hải và Quảng Châu (Trung Quốc). Hơn nữa, nguồn nhân lực trẻ, kỹ năng tốt cũng tạo nên ưu thế về môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Trung Quốc vốn được xem là công xưởng của thế giới. Tuy nhiên, dòng dịch chuyển vốn khỏi nước này của các tập đoàn đầu tư nước ngoài đang diễn ra khá mạnh. Với chiều hướng dịch chuyển từ 10 - 15% sản xuất của các hãng ra khỏi Trung Quốc, có thể tạo ra hàng triệu việc làm cho các nước khác, trong đó có Việt Nam, Ấn Độ, Philippines và Indonesia. Với Việt Nam, chúng ta có khoảng 5 - 6 triệu công nhân trong khu vực chế biến, chế tạo. Đây là cơ hội đặc biệt mà Việt Nam cần nắm bắt cơ hội để đẩy nhanh nhịp độ phát triển.

**Thách thức**

Việt Nam có nhiều triển vọng để trở thành TTCBCT của khu vực nói riêng và thế giới nói chung, song bên cạnh những cơ hội thì Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức để đạt được mục tiêu này.

*Một là*, thể chế kinh tế chưa hoàn thiện, gây quan ngại cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện, nhiều văn bản luật và dưới luật vẫn chưa được ban hành, trong khi đó, văn bản pháp luật đã ban hành vẫn còn tình trạng chồng chéo, hiệu lực thi hành thấp. Công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch còn yếu, tác động không nhỏ đến sự phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng. Cải cách thủ tục hành chính hiệu quả còn thấp, các thủ tục liên quan đến thuế, hải quan, đất đai, bảo hiểm xã hội... còn rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Chất lượng dịch vụ công còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Việc tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế chưa đạt được kết quả như mong đợi. Theo Báo cáo về chỉ tiêu cạnh tranh toàn cầu năm 2015 của Diễn đàn kinh tế Thế giới (WEF), chất lượng thể chế của Việt Nam xếp hàng 85/140 quốc gia, thấp hơn rất nhiều so với một số quốc

gia trong khu vực như Malaysia, Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ, Thái Lan.

*Hai là*, kết cấu hạ tầng yếu kém, chưa đáp ứng đủ giao thương hàng hóa quốc tế quy mô lớn. Hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt lạc hậu, kém chất lượng, thiếu đồng bộ, thiếu tính kết nối giữa các vùng, nên năng lực vận chuyển thấp.

Theo đánh giá của WEF năm 2015, chất lượng kết cấu hạ tầng chung của Việt Nam xếp hạng 67/140 quốc gia, thấp hơn rất nhiều so với một số quốc gia trong khu vực.

*Ba là*, lực lượng lao động dồi dào nhưng tỷ lệ chưa qua đào tạo vẫn ở mức cao, đội ngũ nhân lực chất lượng cao vừa thiếu vừa yếu. Bên cạnh đó, chất lượng giáo dục và đào tạo nghề của các trường đào tạo nghề không bài bản khiến cho lượng học sinh, sinh viên ra trường nhưng không đáp ứng công việc được giao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo hoặc không có bằng cấp của cả nước năm 2014 lên đến 82%, trong đó những hạn chế lớn nhất của lao động Việt Nam là: không có kỹ năng phù hợp, thiếu tư duy sáng tạo, kỹ năng công nghệ thông tin, ngoại ngữ kém, khó khăn trong việc tiếp thu ứng dụng, trình độ khoa học công nghệ. Về năng suất lao động, mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năng suất lao động của Việt Nam năm 2014 vẫn rất thấp so với khu vực, chỉ bằng 1/18 năng suất của Singapore, bằng 1/6 của Malaysia và 1/3 Thái Lan.

*Bốn là*, khoa học công nghệ thấp, chưa đủ để hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp chế tạo hàm lượng công nghệ cao. Năng lực khoa học và công nghệ còn nhiều yếu kém, đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ còn thiếu cán bộ giỏi. Ngoài ra, thị trường KHCN chậm phát triển, hoạt động mua bán công nghệ và lưu thông kết quả nghiên cứu KHCN còn bị hạn chế; hệ thống dịch vụ KHCN, gồm thông tin KHCN, tư vấn chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng còn yếu kém về cả cơ sở vật chất và năng lực

trong cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của hội nhập khu vực và quốc tế.

Năm là, ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, hạn chế năng lực cung cấp các sản phẩm đầu vào cho quá trình sản xuất quy mô lớn. Theo ước tính của Bộ Công thương, ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam hiện lệ thuộc 80% vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Số lượng hoạt động trong ngành CNHT còn quá ít, chủ yếu là các DNNVV thuộc sở hữu Nhà nước nên vẫn còn thói quen bao cấp, ngại đổi mới và thiếu chủ động, liên kết trong việc tìm kiếm thị trường, khách hàng. Không những vậy, sản phẩm phụ trợ doanh nghiệp trong nước sản xuất thường chất lượng thấp, kém ổn định và giá thành cao nên chỉ có thể tiêu thụ nội địa.

Theo bà Victoria Kwakwa – Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, hấp thụ vốn đầu tư kém, đặc biệt là công nghệ hỗ trợ chậm phát triển khiến Việt Nam bộc lộ điểm yếu để thu hút nhiều hơn nữa các nhà sản xuất. Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam còn khá thấp, điều này cho thấy sự liên kết chuỗi giá trị toàn cầu với các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế và điều đó chứng minh sự yếu kém của doanh nghiệp tư nhân trong nước.

### Giải pháp

Để khắc phục những khó khăn, thách thức, từng bước Việt Nam trở thành TTCBCT của thế giới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

**Thứ nhất**, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Trong ngắn hạn, cần tập trung tháo gỡ những khó khăn đối với nhà đầu tư, nhà sản xuất nước ngoài, đặc biệt là các quy định, thủ tục hành chính về khởi nghiệp doanh nghiệp, thuế, hải quan, đất đai... Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch gắn với tăng cường quản lý, thực hiện quy hoạch từ Trung ương tới địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường giám sát, kiểm tra trong công tác hành chính nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công.

**Thứ hai**, tập trung đầu tư phát triển

kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình, dự án có tính kết nối khu vực và quốc tế. Trong lĩnh vực hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa và đường sắt, tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, các cảng cửa ngõ quốc tế, các cảng nước sâu tại 3 vùng kinh tế trọng điểm có khả năng tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn.

**Thứ ba**, phát triển nguồn nhân lực cả về chất lẫn về lượng. Đổi mới mạnh mẽ quản lý Nhà nước về phát triển nhân lực, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực. Đồng thời, đổi mới công tác giáo dục và đào tạo, chủ động hội nhập quốc tế để phát triển nguồn nhân lực Việt Nam, đặc biệt là công tác đào tạo nghề, nhằm nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng của người lao động. Xây dựng nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và đặc thù Việt Nam.

**Thứ tư**, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của quốc gia. Đổi mới quản lý Nhà nước đối với phát triển KHCN, gắn hoạt động nghiên cứu và phát triển KHCN với nhu cầu thực tế của thị trường, nhu cầu phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách riêng nhằm khuyến khích phát triển KHCN, mua bán chuyển giao KHCN, thu hút nguồn nhân lực KHCN... trong phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

**Thứ năm**, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước phát triển lên công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách riêng dành cho CNHT theo hướng ổn định, nhất quán, hiệu quả cao. Để từng bước phát triển ngành CNHT công nghệ cao, Chính phủ cần khuyến khích xây dựng những khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp chuyên về CNHT phù hợp với quy mô sản xuất của DNNVV; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp CNHT

vào khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp này nhằm thực hiện nhiệm vụ cung ứng linh kiện cũng như tạo được sự kết nối giữa các doanh nghiệp trong cùng chuỗi cung ứng.

**Thứ sáu**, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, ban hành các chính sách, chương trình giáo dục, an sinh xã hội...; các quy định, tiêu chuẩn về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường. Đầu tư thích đáng cho lĩnh vực y tế, giáo dục tại khu vực nông thôn, đồng thời đẩy mạnh cải cách và cải thiện phúc lợi xã hội cho người lao động, đặc biệt là vấn đề tiền lương, bảo hiểm xã hội và an toàn lao động.

Đối với vấn đề bảo vệ môi trường, bên cạnh các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý quyết liệt các vụ việc xâm hại môi trường. Đồng thời, từng bước phát triển "năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch". Trung Quốc là một bài học đắt giá cho các nước về việc bảo vệ môi trường trong quá trình trở thành TTCBCT của thế giới.

**Thứ bảy**, cần tiếp tục có những chính sách tín dụng phù hợp với lãi suất thấp cho khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV. Ngành Ngân hàng cần tiếp tục duy trì môi trường vĩ mô ổn định, kiểm soát lạm phát, ổn định đồng tiền và tỷ giá, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, lành mạnh, hiệu quả - là trụ cột của thị trường tài chính khi thị trường chứng khoán chưa phát triển mạnh, đảm bảo nguồn vốn cho nền kinh tế.

Việt Nam đã và đang ở giai đoạn quan trọng để vươn lên thay thế các quốc gia khác, trở thành TTCBCT của khu vực và quốc tế. Các yếu tố như dòng vốn đầu tư mạnh, có sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài trong ngành chế biến, chế tạo mở ra cơ hội cho Việt Nam đón nhận và vận dụng phát triển. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn rõ thực tế về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, chính sách phát triển còn cũ và yếu kém để có những thay đổi chính mình, đón nhận tốt hơn thời cuộc và vận hội cho Việt Nam ■